

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN C
TỈNH TH HÓA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/HSST
Ngày: 01/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN CẨM THỦY, TỈNH TH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phê toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Dương Đình T

2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký Phê toà: Bà Bùi Thị Hên – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Cẩm thủy tham gia Phê toà:

Ông: Cao Duy Phục – Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2021, tại hội trường TAND Huyện C. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình S thụ lý số 04/2021/HSST, ngày 12/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn T - Sinh ngày 06/5/1990 tại xã C, Huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, Huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Hoàng Thị Ch, sinh năm 1951. Vợ Bùi Thị S, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 06/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: Dương Đình H - Sinh ngày 07/10/1989 tại xã C, Huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 09/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Dương Đình T, sinh năm 1962

và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Vợ Bùi Thị Ng, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 07/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: Nguyễn Đình Ph - Sinh ngày 10/10/1986 tại Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn D, TT Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 08/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đình Y, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. Vợ Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 07/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: Cao Vũ T - Sinh ngày 29/12/1987 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Mường. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Cao Mạnh T, sinh năm 1966 và bà Cao Thị L, sinh năm 1966. Vợ, con chưa. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 07/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: Hà Minh H - Sinh ngày 07/9/1981 tại TT Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Đ, TT Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 09/12. Dân tộc: Mường. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Th Nh, sinh năm 1943 và bà Cao Thị S, sinh năm 1950 (Đã chết). Vợ Trương Thị Q, sinh năm 1981 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị O - Sinh ngày 03/8/1983 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và bà

Lê Thị L. Chồng Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1970 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền S: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 10/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: Nguyễn Đình Ch - Sinh ngày 01/5/1982 tại xã Cẩm Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn D, TT Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 05/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đình Y, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962. Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền S: Không.

Về nhân thân: Ngày 15/11/2011, bị TAND Hện C T phạt 7.000.000đ về tội đánh bạc (Đã xóa án tích).

Ngày 28/12/2011 bị TAND Hện C T phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc (Đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020 đến ngày 24/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: Nguyễn Văn M - Sinh ngày 30/6/1969 tại xã H, H. H, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Ngô Thị Th (Đều đã chết). Vợ Vũ Thị Đ, sinh năm 1969 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền S: Không.

9. Họ và tên: Nguyễn Văn T - Sinh ngày 05/9/1980 tại xã , huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch Việt Nam. con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H (Đều đã chết). Vợ Quách Thị H, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền S: Không.

Nhân thân: Năm 2013, bị TAND Hện Bá Thước, tỉnh Th Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, phạt bổ sung 5.000.000đ (Đã xóa án tích).

10. Họ và tên: Nguyễn Thùy L - Sinh ngày 26/9/1996 tại xã Cẩm Quý, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn Ch (Đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1960. Chồng Lê Tân H, sinh năm 1996 và có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền S: Không.

11. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Th - Sinh ngày 05/10/1964 tại xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Ngh, xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1939; chồng Hồ Sỹ L, sinh năm 1957 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1986.

Tiền án: Năm 2018 bị TAND tỉnh Th Hóa xử 27 tháng tù cho hưởng án treo và 54 tháng thử thách về tội đánh bạc.

Nhân thân: Ngày 01 tháng 6 năm 2020 Nguyễn Thị Kim Th bị cơ quan CSĐT Công an thành phố Th Hóa khởi tố về tội đánh bạc theo Điều 321 Bộ luật hình S 2015.

Tại bản án số 262/2020/HSST, ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Th Hóa xử phạt Nguyễn Thị Kim Th 48 tháng tù về tội đánh bạc. Tổng hợp 27 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 121/2018/HSPT, ngày 12/7/2018 của TAND tỉnh Th Hóa. Buộc Nguyễn Thị Kim Th phải chấp hành 06 năm 03 tháng tù, được trừ đi 01 tháng 10 ngày tạm giam của bản án số 121/2018/HSPT ngày 12/7/2018 của TAND tỉnh Th Hóa. Tại bản án số 07/2021/HSPT ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Th Hóa đã y án sơ thẩm bản án số 262/2020/HSST ngày 14/9/2020 của TAND thành phố Th Hóa đối với bị cáo.

Tiền S: Không.

12. Họ và tên: Lê Huy S - Sinh ngày 14/6/1977 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 05/12. dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Công Giáo. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Lê Huy L, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị H (Đã chết). Vợ Vũ Thị Gi, sinh năm 1982 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất 2020. Tiền án, tiền S: Không.

13. Họ và tên: Vũ Thị Gi - Sinh ngày 12/7/1982 tại xã Quỳnh Hưng, Hện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Công Giáo. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Vũ Đình C, sinh năm: 1940. Hiện ở xóm 9, Q, Q, Nghệ An và bà Nguyễn Thị Ng (Đã chết). Chồng là Lê Huy S và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất 2020. Tiền án, tiền S: Không.

14. Họ và tên: Cao Văn S - Sinh ngày 02/02/1977 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa 09/12. Dân tộc Mường. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Cao Ngọc Ch, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1954. Vợ Cao Thị L, sinh năm 1980 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất 2006. Tiền án, tiền S: Không.

Nhân thân: Năm 2011 Cao Văn S bị TAND Hện C xử phạt 06 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000đ về tội đánh bạc (Đã được xóa án tích).

15. Họ và tên: Đinh Sỹ V - Sinh ngày 05/7/1987 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 03/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh Sỹ Giới, sinh năm 1958 và bà Hồ Thị Lý, sinh năm 1959. Vợ Trịnh Thị Thủy, sinh năm 1985 và có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền S: Không.

16. Họ và tên: Lê Huy Đ - Sinh ngày 05/11/1975 tại xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa 03/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Công Giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Huy L, sinh năm 1938 và bà Nguyễn Thị H (Đã chết). Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất 2008. Tiền án, tiền S: Không.

Các bị cáo đều có mặt tại Phên tòa.

- Người làm chứng:

1. Chị Dương Thị H, sinh năm 1988. Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, TT Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa.

2. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1991. Có mặt.

Trú tại: Thôn L, xã Th, huyện B, tỉnh Th Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào chiều ngày 01/02/2020 Nguyễn Văn M, Hoàng Văn T, Cao Vũ T, Nguyễn Đình Ch, Hà Minh H, Dương Thị H, Nguyễn Đình Ph, Vũ Thị Lê, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim Th, Dương Đình H, Nguyễn Thùy L, Lê H S, Vũ Thị Gi, Bùi Trí Hưng, Lê H Đ, Đinh Sỹ V, Cao Văn S, Phạm Văn C cùng đi đến nhà Nguyễn Thị O để chơi. Tại nhà O, một số người xin O để được đánh bạc và O đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà mình.

Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định các bị can Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình Ch, Bùi Trí Hưng, Hà Minh H, Cao Vũ T, Nguyễn Đình Ph, Dương Đình H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thùy L, Vũ Thị Lê, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim Th, Lê H S, Vũ Thị Gi, Cao Văn S, Đinh Sỹ V và Lê H Đ tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền. Sử dụng 01 bát bằng sứ, 01 đĩa bằng sứ và 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài tam cúc có hai mặt. Thể thức đánh bạc là người cầm cái, để 04 quân bài vào đĩa sau đó dùng bát úp lại, dùng tay cầm bát, đĩa lên và xóc. Sau khi xóc cái xong người chơi đặt cược vào hai cửa "chẵn" hoặc "lẻ" với mức đặt cược từ 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) trở lên, không giới hạn mức đánh cao nhất. Sau khi đã đặt cược xong người cầm cái sẽ mở bát, nếu như các quân bài mặt ngựa lên đồng màu với nhau có tổng chẵn gọi là "chẵn", nếu các mặt ngựa lên có tổng lẻ gọi là "lẻ". Nếu người chơi đặt đúng cửa thì sẽ thắng và được tiền của nhà cầm cái bằng số tiền đã đặt cược. Nếu đặt sai cửa thì sẽ thua và mất số tiền đã đặt với nhà cầm cái. Ngoài đặt cược với người cầm cái những người chơi có thể tự cá cược với nhau theo thỏa thuận. Lúc đầu khi đánh xóc đĩa Bùi Trí Hưng là người cầm cái, khi Bùi Trí Hưng không cầm cái nữa thì Nguyễn Đình Ch là người cầm cái. Đến 16 giờ 45 phút cùng ngày, Tổ công tác Công an Hện C phát hiện, bắt quả tang các đối Tượng đánh bạc trong nhà Nguyễn Thị O và lập biên bản. Quá trình bắt quả tang một số đối Tượng bỏ chạy khỏi nơi đánh bạc.

Ngày 21/02/2020, Nguyễn Đình Ch đã đến Công an Hện C để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc vào ngày 01/02/2020 tại nhà Nguyễn Thị O.

Đối với Vũ Thị Lê và Bùi Trí Hưng, Cơ quan CSĐT Công an Hện C đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án hình S số 01, tách hành vi đánh bạc của Vũ Thị Lê và bị can Bùi Trí Hưng để điều tra và xử lý trong vụ án khác.

Đối với Phạm Văn C, Dương Thị H đến nhà Nguyễn Thị O vào ngày 01/02/2020 nhưng không tham gia đánh bạc.

Đối với người tên C ở Hện Bá Thước, tỉnh Th Hóa mà Hà Minh H đã khai nhằm tên là Thắng tham gia đánh bạc tại nhà O. Nhưng H không quen biết và không biết địa chỉ của người tên C. Do đó, cơ quan CSĐT công an Hện C chưa xác định được người tên C, chưa làm rõ được các vấn đề có liên quan nên tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý trong vụ việc khác.

Về vật chứng: 01 đĩa băng sứ màu trắng, 01 bát bằng sứ màu trắng có hình hoa văn màu hồng, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài Tam cúc. 11 điện thoại di động, 05 ví da, 02 xe mô tô. Các vật chứng, đồ vật trên đều được cHển đến kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân S Hện C.

Đối với số tiền 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng) thu giữ tại chiếc bạc và số tiền 32.070.000 đ (ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ trên người các đối Tọng đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu B01/2020, B02/2020 và nhập kho lưu ký tại kho bạc Nhà Nước Hện Cẩm Thủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu XAOMI màu đen trắng thu giữ trên người Phạm Văn C. Cơ quan CSĐT Công an Hện C đã ra quyết định xử lý đồ vật, T liệu trả lại cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn C.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSCT-TA, ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Hện C truy tố Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình Ch, Hà Minh H, Cao Vũ T, Nguyễn Đình Ph, Dương Đình H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thùy L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim Th, Lê H S, Vũ Thị Gi, Cao Văn S, Đinh Sỹ V và Lê H Đ về tội: Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 – BLHS.

Tại Phên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện C giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đối với các bị cáo và đề nghị:

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Th từ 9 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 năm 03 tháng tù của bản án số 07 /2021/HSPT ngày 13/01/2021 của TAND tỉnh Th Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ch từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000 đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Cao Văn S từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Đinh Sỹ V từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Lê H Đ từ 6 đến 9 tháng tù. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Lê H S từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ph từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Phạt bổ sung phạt tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đồng.

- Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s (điểm n đối với bị cáo L và Gi) khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo: Hoàng Văn T, Hà Minh H, Cao Vũ T, Dương Đình H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thùy L và Vũ Thị Gi từ 20.000.000đ đến 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S. Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa băng sứ màu trắng, 01 bát bằng sứ màu trắng có hình hoa văn màu hồng, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài Tam cúc.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu tại chiếu bạc tổng là: 41.990.000đ.

Đề nghị trả lại cho lại cho anh Phạm Văn C số tiền 250.000đ. Trả lại cho bị cáo O số tiền 2.630.000đ, nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại 11 điện thoại di động, 05 ví da, 02 xe mô tô cho các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình S; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình S sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện C, Viện kiểm sát nhân dân Hện C, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình S.

[2] Về tội danh: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/02/2020, các bị cáo: Hoàng Văn T, Nguyễn Văn M, Dương Đình H, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Đình Ch, Cao Vũ T, Hà Minh H, Nguyễn Văn T, Lê H S đánh bạc tại nhà của Nguyễn Thị O tại thôn Q, xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa với hình thức đánh bạc là “Xóc đĩa”, cách thức đánh bạc đúng như bản cáo trạng đã mô tả. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của người làm chứng cùng T liệu khác có trong hồ sơ.

Đối với Nguyễn Thị O (chủ nhà) đã đồng ý cho các đối Tạng đánh bạc tại nhà ở của mình. Quá trình cho các đối Tạng đánh bạc tại nhà ở của mình thì Nguyễn Thị O không có hành động rủ rê, lôi kéo người khác tham gia đánh bạc, không thu tiền hay lợi ích vật chất gì, nhưng hành vi của O đã nhất trí tạo điều kiện để các đối Tạng đánh bạc tại nhà ở của mình, số tiền thu tại chiếu bạc là 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Vì vậy, hành vi của Nguyễn Thị O được xác định là đồng phạm với vai trò là người giúp sức trong vụ án.

Đối với Nguyễn Thùy L và Vũ Thị Gi qua đấu tranh tại Phên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với Nguyễn Thị Kim Th, Cao Văn S, Đinh Sỹ V và Lê H Đ không thừa nhận hành vi đánh bạc ngày 01/02/2020. Nhưng căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác, các chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ đều phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm của các bị cáo tham gia đánh bạc trong buồng nhà bị cáo O.

Bị cáo Ch là người cầm cái đã khẳng định Th tham gia đánh bạc. H khai khi đánh bạc H đứng gần Đ. T khai V đứng cạnh T để cùng đánh bạc. Có từ hai lời khai của các bị cáo khác đều khẳng định Th, S, V và Đ tham gia đánh bạc. Các bị cáo V, S

và Đ đều có mặt tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang. Bị cáo Th thừa nhận đã đến nhà O vào chiều ngày 01/02/2020 nhưng không tham đánh bạc. Bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi của mình đề nghị với Hội đồng xét xử xem xét.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình Ch, Hà Minh H, Cao Vũ T, Nguyễn Đình Ph, Dương Đình H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thùy L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim Th, Lê H S, Vũ Thị Gi, Cao Văn S, Đinh Sỹ V và Lê H Đ có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình S.

Khi bị bắt quả tang số tiền thu được tại chiếu bạc là 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Thu trên người Dương Đình H 8.460.000đ, Hà Minh H 6.040.000đ, Nguyễn Đình Ph 5.700.000đ.

H chỉ thừa nhận số tiền 1.400.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc còn số tiền 7.060.000đ H không sử dụng vào mục đích đánh bạc. H chỉ thừa nhận số tiền 40.000đ H sử dụng vào mục đích đánh bạc còn số tiền 6.000.000đ H không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ph thừa nhận số tiền 1.200.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc còn số tiền 4.500.000đ Ph không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Qua xem xét các T liệu trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định: Số tiền 8.460.000đ của H, 6.040.000đ của H, 5.700.000đ của Ph đã và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Số tiền 3.900.000đ thu giữ trên người Đ Sỹ V, 40.000đ thu giữ trên người Cao Văn S, 1.000.000đ thu giữ trên người Lê H Đ. Đều sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Các bị cáo khác đều thừa nhận số tiền thu trên người khi bị bắt quả tang đã và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 01 tháng 02 năm 2020 tại nhà Nguyễn Thị O.

Số tiền 2.630.000 đ (hai triệu S trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ trên người Nguyễn Thị O và số tiền 250.000 đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ trên người Phạm Văn C, đã có cơ sở xác định Nguyễn Thị O, Phạm Văn C không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2010/NQ - HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền các đối Tạng sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 41.990.000đ (Bốn một triệu chín trăm chín mươi nghìn). Số tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc là 2.880.000đ (Hai triệu tám trăm tám mươi nghìn).

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án “Đánh bạc” có đông người tham gia, nhưng vụ án xảy ra ở vùng nông thôn miền núi, trình độ dân trí còn hạn chế, cách thức đánh bạc đơn giản, không tổ chức chặt chẽ, không có S bàn bạc trước, không có

người khởi xướng, người chủ mưu cầm đầu, không có canh gác bảo vệ, vì vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Hành vi đánh bạc của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây mất an ninh trật tự và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân vì vậy cần xử lý nghiêm minh.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đình Ch là người cầm cái đánh bạc với tất cả những người khác nên giữ vai trò đứng đầu. Vị trí tiếp theo gồm Nguyễn Thị Kim Th, Cao Văn S, Đinh Sỹ V, Lê H Đ, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Văn T, Lê H S và các bị cáo khác tham gia với vai trò là người thực hành tích cực. Bị cáo Nguyễn Thị O thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức do đã cho 15 bị cáo khác sử dụng nhà ở của mình để thực hiện việc đánh bạc.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình S:

Bị cáo Th có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình S là tái phạm theo điểm h khoản 1 điều 52 - BLHS.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S:

Các bị cáo Hoàng Văn T, Dương Đình H, Cao Vũ T, Hà Minh H, Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình Ph, Lê H S, Nguyễn Thùy L, Vũ Thị Gi phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình S. Bị cáo L và Gi còn có tình tiết giảm nhẹ phạm tội là phụ nữ có thai theo điểm n khoản 1 điều 51 BLHS.

Đinh Sỹ V, Lê H Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình S.

Nguyễn Đình Ch thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 – BLHS.

Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã có công ủng hộ đồng bào miền trung bị bão lụt có xác nhận của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hà Tĩnh và có mẹ đẻ được tặng kỷ niệm cH Th niên xung phong là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Bị cáo Th và bị cáo S không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình S.

[6] Xét về nhân thân:

Các bị cáo: Hoàng Văn T, Dương Đình H, Cao Vũ T, Hà Minh H, Nguyễn Thị O, Nguyễn Đình Ph, Nguyễn Văn M, Lê H S, Đinh Sỹ V, Lê H Đ, Nguyễn Thùy L, Vũ Thị Gi chưa từng bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính.

Nguyễn Đình Ch, Cao Văn S đã từng bị xét xử về tội đánh bạc, đến nay đã được xóa án tích.

Nguyễn Văn T đã bị xét xử về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, đến nay đã được xóa án tích.

Nguyễn Thị Kim Th có 01 tiền án, bị xử phạt 48 tháng tù về tội đánh bạc theo bản án số 262/2020/HSST ngày 14/9/2020 của TAND Thành phố Th Hóa.

[7] Về hình phạt chính áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Th có tiền án về tội đánh bạc, Nguyễn Đình Ch và Cao Văn S đã từng phạm tội đánh bạc nay lại tiếp tục phạm tội đánh bạc. Đinh Sỹ V, Lê H Đ, không thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành người tốt và đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo Nguyễn Văn T, năm 2013 bị Tòa án nhân dân Hện Bá Thước, tỉnh Th Hóa xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Nguyễn Đình Ph và Lê H S được các tình tiết giảm nhẹ đã nêu ở trên và có nơi cư trú rõ ràng, nên cũng ch- a cần phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa ph- ong giám sát và giáo dục để các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành ng- ời tốt.

Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt tiền đối với các bị cáo này là phù hợp. Tuy nhiên cần xác định mức độ tham gia đánh bạc và các tình tiết liên quan để phân hóa mức phạt tiền đối với từng bị cáo.

[8] Về phạt bổ sung: Các bị cáo tham gia đánh bạc với tính chất ăn thua, sát phạt nhau vì vậy cần áp dụng khoản 3 điều 321 Bộ luật hình S để phạt tiền bổ sung. Bị cáo Nguyễn Đình Ch hoàn C gia đình khó khăn, con còn nhỏ, vợ đi xuất khẩu lao động nên cần xem xét về phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo: Nguyễn Thị O, Nguyễn Vắn M, Hoàng Văn T, Dương Đình H, Cao Vũ T, Hà Minh H, Vũ Thị Gi và Nguyễn Thùy L, hình phạt chính là phạt tiền nên không phạt bổ sung.

[9] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa băng sứ màu trắng, 01 bát băng sứ màu trắng có hình hoa văn màu hồng, 04 quân bài vị hình tròn được cất từ quân bài Tam cúc.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu tại chiếu bạc tổng là: 41.990.000đ.

Trả lại cho anh Phạm Văn C số tiền 250.000đ. Trả lại cho bị cáo O số tiền 2.630.000đ. nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

11 điện thoại di động (Trong đó có 01 điện thoại di động OPPO màu đen thu tại chiếu bạc, tại Phên tòa đã xác định được là của bị cáo Ch), 05 ví da, 02 xe mô tô, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình S;

T bố các bị cáo: Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình Ch, Hà Minh H, Cao Vũ T, Nguyễn Đình Ph, Dương Đình H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thùy L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Kim Th, Lê H S, Vũ Thị Gi, Cao Văn S, Đình Sỹ V và Lê H Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 56 và Điều 58 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Th 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 năm 03 tháng tù của bản án số 07/2021/HSPT ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Th Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 21/4/2017 đến ngày 02/6/2017) của vụ án trước theo bản án số 121/2018/HSPT ngày 12/7/2018 của TAND tỉnh Th Hóa. Phạt tiền bổ sung bị cáo Th 20.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ch 09 tháng tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo Ch 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Cao Văn S 09 tháng tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo S 20.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Đình Sỹ V 06 tháng tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo V 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Lê H Đ 06 tháng tù. Phạt tiền bổ sung bị cáo Đ 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày T án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung bị cáo T 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Lê H S 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng, tính từ ngày T án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung bị cáo S 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, khoản 2 Điều 35, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65, Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Ph 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng, tính từ ngày T án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung bị cáo Ph 15.000.000 đồng.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã Cẩm Ngọc, Hện C, tỉnh Th Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lê H S cho UBND xã C, Hện C, tỉnh Th Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Đình Ph cho UBND thị trấn Ph, Hện C, tỉnh Th Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình S. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s (điểm n đối với bị cáo L và Gi) khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo: Hoàng Văn T, Hà Minh H, Cao Vũ T, Dương Đình H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thùy L và Vũ Thị Gi.

Xử phạt: Nguyễn Thị O, Hà Minh H, Dương Đình H, Vũ Thị Gi và Vũ Thùy L, mỗi bị cáo 25.000.000 đồng.

Xử phạt: Nguyễn Văn M, Hoàng Văn T, Cao Vũ T mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 46, điểm a, điểm b khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S.

Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa băng sứ màu trắng, 01 bát bằng sứ màu trắng có hình hoa văn màu hồng, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài Tam cúc.

Trả lại T sản cho các bị cáo. Cụ thể như sau: Nguyễn Thị O 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu trắng. Nguyễn Đình Ch 01 điện thoại di động OPPO màu đen (thu tại chiếu bạc). Cao Vũ T 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng, 01 ví da màu nâu và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ, BKS 29X7 – 6589 (chưa có thông tin về số khung, số máy). Hoàng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen. Dương Đình H 01 ví da màu đen. Hà Minh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh, BKS 36L1 - 06538 (chưa có thông tin về số khung, số máy). Đinh Sỹ V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vetu Trung Quốc màu đen, 01 ví da màu nâu thu. Cao Văn S 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Masstel màu đen. Phạm Văn C 01 ví da màu nâu. Nguyễn Đình Ph 01 ĐTDĐ nhãn hiệu SAMSUNG màu vàng. Nguyễn Thùy L 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone X màu trắng. Lê H Đ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu trắng, 01 ví da màu đen.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân S Hện C, tỉnh Th Hóa.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu tại chiếu bạc tổng là: 41.990.000đ. Trả lại cho lại cho anh Phạm Văn C số tiền 250.000đ. Trả lại cho bị cáo O số tiền 2.630.000đ nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án. Theo Phếu nhập kho ngày 12/02/2020, được niêm phong trong phong bì ký hiệu số B01/2020 và số B02/2020 của Kho bạc nhà nước Hện C, tỉnh Th Hóa.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình S. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình S sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- Công an huyện Cẩm Thủy.
- VKSND huyện Cẩm Thủy.
- Viện kiểm sát tỉnh Th Hóa (P. 7)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM	
Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa Phê tòa

